

Bản án số: **258/2022/HC-PT**

Ngày: 18/11/2022

V/v: “*Kiến quyết định hành chính  
hành vi hành chính trong lĩnh vực  
quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Phước Thanh

*Các thẩm phán:* Ông Phạm Tồn

Ông Trương Công Thi

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Thu Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thắng, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 185/2022/TLPT-HC ngày 06 tháng 10 năm 2022 về “*Kiến quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do bản án hành chính sơ thẩm số 44/2022/HCST ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2022/QĐXXPT-HC ngày 26 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:** ông Trịnh Xuân L, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam - Có mặt;

*Người đại diện theo uỷ quyền:* ông Đoàn Văn M, sinh năm 1990;

Địa chỉ: 187 Đường T1, Thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam - Có mặt;

**- Người bị kiện:**

1. Chủ tịch và Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam;

Địa chỉ: 282 Đường T1, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam;

*Người đại diện theo uỷ quyền:* bà Phan Thị N – Chức vụ: Phó Chủ tịch;  
Có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:* ông Trương Công H1, Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T - Có đơn xin xét xử vắng mặt;

2. Chủ tịch và Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam; Địa chỉ: Thôn N1, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam;

*Người đại diện theo pháp luật:* ông Phạm Công Q – Chức vụ: Chủ tịch;

Người bảo vệ quyền và hợp pháp: ông Phan Duy N2 – Cán bộ địa chính xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam; ông Quốc và ông Nhựt có mặt

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Huỳnh Thị Thanh L1, sinh năm 1970; vắng mặt.

2. Ông Trịnh T2, sinh năm 1991; vắng mặt.

3. Bà Trịnh Thị Minh Ng, sinh năm 1993; vắng mặt.

4. Ông Trịnh Ngọc Xuân B1, sinh năm 1995; vắng mặt.

5. Ông Trịnh Xuân D1, sinh năm 2001; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam;

Người đại diện theo ủy quyền của bà L1, ông T2, bà Ng, ông B1, ông D1: ông Đoàn Văn M, sinh năm 1990- có mặt;

Địa chỉ: 187 Đường T1, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam;

Do có kháng cáo của người khởi kiện.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền và người khởi kiện ông Trịnh Xuân L thống nhất trình bày:***

Vào năm 1995 gia đình ông Trịnh Xuân L có khai hoang diện tích đất: 6.276,7m<sup>2</sup> để trồng cây dương liễu và cây keo lá tràm thuộc thửa đất số: 140, tờ bản đồ 05, địa chỉ thửa đất: Thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Thửa đất có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đất ông Tr Phía Nam giáp đất ông Tr1, Phía Đông giáp đường TN, Phía Tây giáp đường đất rộng 01 mét. Thửa đất được gia đình ông sử dụng ổn định, liên tục để trồng cây dương từ năm 1995 và trồng xen kẽ cây keo lá tràm từ năm 2008 đến năm 2013, đến nay diện tích đất trên gia đình ông sử dụng ổn định và không tranh chấp với các hộ liền kề.

Sau khi trồng cây dương liễu vào năm 1995, gia đình ông khai thác cây nhiều lần vào năm 2008 và năm 2012. Sau khi khai thác cây ông đã trồng dặm thêm hơn 500 cây keo lá tràm từ năm 2008 đến năm 2013. Do đất cát và gió bão cây bị chết nên hiện nay trên đất có cây keo lá tràm ông trồng xen kẽ cây dương liễu với kích thước cây từ 5cm đến 20cm khoảng hơn 150 cây phủ kín đất.

Hiện nay toàn bộ cây trồng trên đất ông vẫn đang quản lý, sở hữu và sử dụng ổn định, liên tục và không tranh chấp từ năm 1995 cho đến nay.

Ngày 01/07/2019 ông có làm đơn xin xác nhận nguồn gốc đất thì được người dân tại thôn P gồm ông Lê Huy T2, Nguyễn Cao X, Tăng Thượng Th1, Trần Xuân K1, Huỳnh Kim H2, Tăng Thị H3, Lê Phước H4 đều xác nhận diện

tích đất và cây nêu trên do gia đình ông quản lý, sử dụng để trồng cây từ năm 1995 đến nay.

Ngoài ra, kể từ năm 1995 cho đến nay không có quyết định xử phạt vi phạm hành chính về đất đai nào của UBND xã B, không có quyết định thu hồi đất nào từ UBND huyện T, không có quyết định phê duyệt quy hoạch sử dụng đất nào từ UBND cấp tỉnh về việc quy hoạch sử dụng đất thuộc thửa đất nêu trên.

Tuy nhiên, trong quá trình lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì UBND xã B ban hành Công văn số 36/UBND-ĐC ngày 06/07/2020 từ chối lập thủ tục cấp đất và kết luận là đất của UBND xã nên không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau khi nhận Công văn số 36/UBND-ĐC ngày 06/07/2020 của UBND xã B ông nhận thấy việc Hội đồng tư vấn xét cấp đất xã xác định diện tích đất ông đang quản lý, sở hữu và sử dụng là đất của UBND xã và cây dương liễu trên đất là do TN và nhân dân thôn P trồng là không đúng thực tế, ông không biết UBND xã B lấy ý kiến của ai để khẳng định đất này ông không sử dụng và dương liễu trên đất là do TN thôn P trồng.

Việc UBND xã B ban hành Công văn số 36/UBND-ĐC ngày 06/07/2020 để từ chối lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do không đủ điều kiện cho ông là không đúng với quy định của pháp luật về đất đai và Luật tổ chức chính quyền địa phương. Ngày 28/08/2020 ông đã nộp đơn khiếu nại lần 01 đến UBND xã B yêu cầu hủy Công văn số 36/UBND-ĐC ngày 06/07/2020 và lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên.

Ngày 03/11/2020 chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số: 433/QĐ-UBND ngày 03/11/2020 không chấp nhận khiếu nại và lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông theo đúng quy định của pháp luật và bác toàn bộ nội dung khiếu nại.

Sau khi không chấp nhận quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, ông đã nộp đơn khiếu nại lần 02 đến Ủy ban nhân dân huyện T. Ngày 20/01/2021 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần 02 số: 147/QĐ-UBND ngày 20/01/2021 không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông. Đồng thời, giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số: 433/QĐ-UBND ngày 03/11/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B.

Việc UBND huyện T bác đơn khiếu nại và từ chối chối lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông là không đúng với quy định của pháp luật. việc xác minh hiện trạng cây trồng trên đất không đúng và không biết Ủy ban nhân dân xã B căn cứ vào đâu để kết luận cây trồng trên đất là do TN thôn P trồng và xác định trên đất chỉ có 50 cây keo lá tràm trên đất do gia đình

ông trồng năm 2017 - 2018 là không đúng. Trong khi đó, trong quá trình giải quyết khiếu nại Ủy ban nhân dân huyện T cử cán bộ Đoàn thanh tra đi xác minh hiện trạng cây trồng trên đất thì thửa đất của gia đình ông sử dụng có số lượng cây keo lá tràm rất nhiều trên 150 cây chứ không phải 50 cây keo lá tràm như kết luận của chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B. Ngoài ra, Ủy ban nhân dân huyện T vẫn chưa làm rõ căn cứ vào đâu để khẳng định cây keo lá tràm của ông có những cây kích thước lớn từ 5 – 20cm là trồng năm bao nhiêu mà kết luận cây keo lá tràm trên đất trong năm 2017 – 2018 theo như kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B để từ chối lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng thực tế và không có căn cứ. Ông khẳng định diện tích đất nêu trên ông quản lý, sử dụng để trồng cây dương liễu từ năm 1995 và cây keo lá tràm ông trồng trên đất từ năm 2008 đến năm 2013. Còn muốn xác định cây keo lá tràm ông trồng năm bao nhiêu phải căn cứ vào chiều cao của cây, chu vi của cây và đường kính của cây và phải lập hội đồng giám định tuổi của cây theo cơ sở khoa học chứ không thể khẳng định cây trồng từ năm 2017-2018 là không đúng. Việc xác minh hiện trạng sử dụng đất và cây trồng trên đất của Ủy ban nhân dân xã B là không đúng, gây ảnh hưởng đến việc xác định thời điểm sử dụng đất, thời điểm trồng cây trên đất của gia đình ông.

Do đó, ông Trịnh Xuân L khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Hủy Công văn số 36/UBND-ĐC ngày 06/7/2020 của Ủy ban nhân dân xã B về việc trả lời các nội dung liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trịnh Xuân L;

- Hủy Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 03/11/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B về việc giải quyết khiếu nại của ông Trịnh Xuân L, trú tại thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam (ông Đoàn Văn M, trú tại số 187 Đường T1, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam là người đại diện theo ủy quyền), (lần đầu).

- Hủy Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 20/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Trịnh Xuân L, thường trú tại thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam (lần hai).

- Buộc Ủy ban nhân dân xã B, Ủy ban nhân dân huyện T thực hiện hành vi hành chính lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 140, tờ bản đồ số 05, diện tích 6.276,7m<sup>2</sup> (loại đất rừng sản xuất); địa chỉ thửa đất: Thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam cho hộ gia đình ông quản lý theo quy định của pháp luật.

***Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án, người bị kiện UBND huyện T trình bày:***

Sau khi Chủ tịch UBND xã B giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trịnh Xuân L, trú tại thôn P, xã B, huyện T tại Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2020. Ông Trịnh Xuân L không đồng ý với nội dung Quyết định

nêu trên nên đã khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện T. Nội dung đơn, ông Trịnh Xuân L khiếu nại Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2020 của Chủ tịch UBND xã B về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trịnh Xuân L, trú tại thôn P, xã B. Cụ thể như sau:

Ông Trịnh Xuân L cho rằng kết quả xác định nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đối với thửa đất số 140, tờ bản đồ số 05, diện tích: 6.276,7m, loại đất: Rừng sản xuất của UBND xã B (Theo trích đo địa chính thửa đất số 559/CN. VPĐKĐĐ ngày 15/5/2019 của Chi nhánh VPĐKĐĐ T) là không đúng thực tế. Đồng thời, ông đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất nêu trên cho gia đình ông.

Sau khi tiếp nhận đơn khiếu nại của ông Trịnh Xuân L. Qua quá trình kiểm tra, xác minh UBND huyện T đã ban hành Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Trịnh Xuân L. Kết quả giải quyết Chủ tịch UBND huyện T không chấp nhận nội dung đơn khiếu nại của ông Trịnh Xuân L, trú tại thôn P, xã B, huyện T khiếu nại Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2020 của Chủ tịch UBND xã B về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trịnh Xuân L, trú tại thôn P, xã B.

Về trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại của ông Trịnh Xuân L đã được Chủ tịch UBND huyện T thực hiện theo đúng quy định pháp luật. Do đó, ông Trịnh Xuân L đề nghị hủy Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Chủ tịch UBND huyện T là không có cơ sở.

Đối với nội dung buộc UBND huyện T thực hiện hành vi hành chính lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 140, tờ bản đồ số 05, diện tích 6.276,7m<sup>2</sup>, loại đất rừng sản xuất; địa chỉ thửa đất: Thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam cho hộ ông đúng theo quy định của pháp luật.

Theo hồ sơ sổ mục kê đất và sổ địa chính Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ ban hành quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp lập năm 1999 (Do Chủ tịch UBND xã B ông Trần Tấn L2 ký xác nhận ngày 02/8/1999 và đã được Giám đốc Sở địa chính tỉnh Quảng Nam ông Dương Chí C1 ký phê duyệt ngày 31/8/1999) thì thửa đất ông Trịnh Xuân L đề nghị cấp GCNQSD đất thuộc một phần thửa đất số 54, tờ bản đồ số 04, có diện tích: 71.015m<sup>2</sup>, loại đất: NĐ (Nghĩa địa) và một phần thửa đất số 01, tờ bản đồ số 04, có diện tích: 21.056m<sup>2</sup>, loại đất: Rừng sản xuất (RTS), do UBND xã B quản lý. Theo bản đồ thực hiện dự án đo đạc cơ sở dữ liệu Vùng Đông (Do Chủ tịch UBND xã B ông Trần Văn T3 ký xác nhận ngày 27/6/2017 và đã được Phó Giám đốc Sở TN&MT tỉnh Quảng Nam ông Trần Thanh H5 ký phê duyệt ngày 28/6/2017) và theo sổ mục kê đất đai (Do Phó Giám đốc văn phòng đăng ký đất

đại Quảng Nam ông Phạm Công Ch ký xác nhận ngày 26/6/2017 và đã được - Phó Giám đốc Sở TN&MT tỉnh Quảng Nam ông Trần Thanh H5 ký phê duyệt ngày 28/6/2017) của xã B, huyện T lập năm 2017 (lưu tại Quyền số 02) thì thửa đất ông Trịnh Xuân L đề nghị cấp GCNQSD đất tại thửa đất số 140, tờ bản đồ số 05, diện tích 6.276,7m<sup>2</sup> (theo trích đo địa chính thửa đất số 559/CN.VPĐKĐĐ ngày 15/5/2013 của Chi nhánh VPĐKĐĐ T) thuộc một phần thửa đất số 59, tờ bản đồ số 05, diện tích 140.057,8m<sup>2</sup>, loại đất: Rừng sản xuất (RSX), do UBND xã quản lý.

Theo kết quả xác minh, ngày 18/12/2020, qua làm việc với ông Nguyễn Hồng K trình bày và khẳng định: Về vị trí thửa đất khi mua cây dương liễu của ông Trịnh Xuân L tại xã B thì ông không nhớ rõ (*vì thời điểm này mua cây của nhiều người cùng một lúc*), khi mua cây ông góp vốn chung ông Nguyễn K2 và Nguyễn Văn Q cùng trú thôn B2, xã B3 nay đã chết (*đợt 1 vào năm 2008 là 5 triệu đồng, đợt 2 vào năm 2012 là 7 triệu đồng*). Tuy nhiên, qua kiểm tra đối chiếu với nội dung tại Giấy cam kết ghi ngày 24/8/2020, chỉ thể hiện (*đợt 1 vào năm 2008 là 02 triệu đồng, đợt 2 khai thác cây keo lá tràm vào năm 2012 là 03 triệu đồng*). Hơn nữa, qua làm việc ông K còn trình bày về nội dung xác nhận thời điểm sử dụng đất và trồng cây cho ông L bắt đầu từ năm 1995 đến nay là do ông ghi theo lời ông L đọc để chép lại, còn về thực tế thửa đất thì ông không biết rõ. Qua làm việc ông nhận thấy việc xác nhận của mình là sai nên xin rút lại toàn bộ nội dung đã xác nhận này. Do đó, không có cơ sở để xem xét giải quyết.

Theo kết quả cuộc họp xét nguồn gốc đất ngày 10/6/2020 và họp xét lại ngày 30/12/2020 của xã cho thấy: Tất cả các ý kiến tham gia tại cuộc họp đều trình bày và khẳng định về nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đối với thửa đất số 140 tờ bản đồ số 05, diện tích 6.276,7m<sup>2</sup> (*Theo trích đo địa chính thửa đất số S50/CN VPĐKĐĐ ngày 15/5/2010 của Chi nhánh VPĐKĐĐ T*) mà ông Trịnh Xuân L lập hồ sơ đề nghị cấp GCNQSD đất là đất do UBND xã B quản lý, số cây dương liễu (cây thông) trên đất còn lại hiện nay là do TN và nhân dân thôn P trực tiếp tham gia trồng trong giai đoạn từ năm 1985 – 1992 theo chủ trương phủ xanh đất trống đồi núi trọc của Nhà nước, số cây trồng trên đất do Dự án mua của ông Trịnh Anh T4, ương cây tại xã B4 để cung cấp cho nhân dân trồng. Sau khi trồng cây do địa bàn xa khu dân cư nên công tác quản lý của địa phương gặp nhiều khó khăn, do đó một số hộ dân sinh sống trên địa bàn xã và khu vực các xã giáp ranh lợi dụng để chặt phá, khai thác lấy củi, đốt than.

Về thực tế từ trước đến nay cha ông L (*ông Trịnh H6*), cũng như ông Trịnh Xuân L không có ai khai hoang, cải tạo hay trồng cây dương liễu trên khu đất này. Đối với cây keo lá tràm trên đất hiện nay là do gia đình ông L tự ý đem trồng xen ghép mỗi năm một số cây trong khoảng thời gian từ năm 2016 - 2018 vào rừng cây dương liễu mà nhân dân thôn P đã trồng trước đó. Do đó, việc ông

cho rằng gia đình đã quản lý, canh tác sử dụng ổn định để trồng cây dương liễu từ năm 1995 và trồng dặm cây keo lá tràm từ năm 2008 đến nay là không có cơ sở để xem xét giải quyết.

Từ những cơ sở nêu trên cho thấy qua kiểm tra hồ sơ, xác minh thực tế, làm việc với các cơ quan, đơn vị và những người biết việc có liên quan đến nội dung khiếu nại của ông Trịnh Xuân L, UBND huyện T nhận thấy:

- Việc thụ lý, xác minh và ban hành Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 03/11/2020 về giải quyết khiếu nại (*lần đầu*) đối với hộ ông Trịnh Xuân L của Chủ tịch UBND xã B, huyện T là đảm bảo theo đúng thẩm quyền, trình tự và thủ tục quy định của Luật Khiếu nại năm 2011.

- Thửa đất số 140, tờ bản đồ số 05, diện tích 6276.7m<sup>2</sup> (Trích đo địa chính thửa đất số 559/CN.VPĐKĐĐ ngày 15/5/2010 của Chi nhánh VPĐKĐĐ T) mà hộ ông L đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có một trong các loại giấy tờ theo quy định tại Điều 100, Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18, Nghị Định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai. Diện tích thửa đất này là do UBND xã B quản lý từ trước đến nay nên không có cơ sở để xem xét công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trịnh Xuân L đã được UBND huyện ban hành tại Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Chủ tịch UBND huyện T. Do đó, UBND huyện T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Xuân L.

***Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện UBND và Chủ tịch UBND xã B trình bày:***

UBND xã B nhận được hồ sơ đề nghị cấp GCNQSD đất của ông Trịnh Xuân L, ở tại thôn P, xã B ( ông Đoàn Văn M trú tại 187 đường T, Thị trấn H, huyện T, Quảng Nam được ủy quyền) tại thửa đất số 140, tờ bản đồ số 5, diện tích 6276,7 m<sup>2</sup>, loại đất: đất rừng sản xuất. Ngày 10/6/2020, Hội đồng tư vấn xét cấp đất xã B tiến hành họp xác nhận nguồn gốc đất thửa đất số 140, tờ bản đồ số 5, diện tích 6276,7m<sup>2</sup>, hiện hộ ông Trịnh Xuân L đề nghị cấp, cụ thể như sau: Hội đồng tư vấn xét cấp đất xã xác định thửa đất hộ ông Trịnh Xuân L đề nghị cấp không phải là đất do hộ ông Trịnh Xuân L khai hoang mà đất của UBND xã và cây cối trên đất là do TN của thôn P trồng không phải cây của gia đình ông Trịnh Xuân L trồng.

\* Về hồ sơ địa chính:

- Theo hồ sơ địa chính Nghị định 64/CP ngày 27 tháng 9 năm 1993 của Chính phủ ban hành bản quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp (Sau đây gọi là Nghị định 64/CP của Chính Phủ) thì đất ông Trịnh Xuân L đề nghị cấp

GCNQSD đất thuộc thửa đất số 54, tờ bản đồ số 04, loại đất: NĐ, do UBND xã quản lý và thửa đất số 1, loại đất: RTSX, do UBND xã quản lý.

- Theo hồ sơ đo đạc dữ liệu Vùng Đông tại xã B, huyện T thì diện tích đất ông Trịnh Xuân L đề nghị cấp GCNQSD đất thuộc thửa đất số 59, tờ bản đồ số 05, diện tích 141723,7 m, loại đất: RSM. Do UBND xã quản lý.

Theo biên bản họp hội đồng tư vấn xét cấp đất của UBND xã B ngày 10 tháng 6 năm 2020 thì thửa đất số 140, tờ bản đồ số 05, diện tích 6276,7m<sup>2</sup>, hộ ông Trịnh Xuân L đề nghị cấp giấy, Hội đồng tư vấn xét cấp đất xã xác định thửa đất hộ ông Trịnh Xuân L đề nghị cấp không phải là đất do hộ ông Trịnh Xuân L khai hoang mà đất của UBND xã và cây cối trên đất là do TN của thôn P trồng không phải cây của gia đình ông Trịnh Xuân L trồng.

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ về thi hành Luật đất đai. Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

Căn cứ quy định của pháp luật thì hồ sơ đề nghị cấp GCNQSD đất của Trịnh Xuân L tại thửa đất số 140, tờ bản đồ số 05, diện tích 6276,7m<sup>2</sup> là không đủ điều kiện cấp GCNQSD đất theo quy định của pháp luật.

Sau khi UBND xã B ban hành văn bản số 36/UBND-ĐC ngày 06/7/2020 về việc trả lời các nội dung liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp GCNQSD đất của ông Trịnh Xuân L, ông Trịnh Xuân L đã khiếu nại và Chủ tịch UBND xã B đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại theo đúng trình tự, thủ tục quy định. Do đó, Chủ tịch và UBND xã B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Xuân L.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không thành. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phát biểu ý kiến: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đúng thủ tục phiên tòa, hỏi các đương sự và xác định rõ nội dung vụ án. Người tham gia tố tụng cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án đầy đủ, tham gia phiên tòa đúng theo giấy triệu tập của Tòa án. Hội đồng xét xử đã tạo điều kiện cho các đương sự tranh luận tại phiên tòa để làm rõ nội dung vụ án. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Xuân L, vì không có cơ sở.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam.



***Tại Bản án sơ thẩm số 44/2022/HCST ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:***

Căn cứ khoản 1 và 2 Điều 3; khoản 1 và khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; Điều 18 NB 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Xuân L về việc: “*Hủy Công văn số 36/UBND-ĐC ngày 06/7/2020 của Ủy ban nhân dân xã B về việc trả lời các nội dung liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trịnh Xuân L; hủy Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 03/11/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B về việc giải quyết khiếu nại của ông Trịnh Xuân L, trú tại thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam (ông Đoàn Văn M, trú tại số 187 Đường T1, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam là người đại diện theo ủy quyền), (lần đầu); hủy Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 20/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Trịnh Xuân L, thường trú tại thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam (lần hai); buộc Ủy ban nhân dân xã B, Ủy ban nhân dân huyện T thực hiện hành vi hành chính lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 140, tờ bản đồ số 05, diện tích 6.276,7m<sup>2</sup> (loại đất rừng sản xuất); địa chỉ thửa đất: Thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam cho hộ gia đình ông quản lý theo quy định của pháp luật*”.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 31/6/2022, ông Trịnh Xuân L kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trịnh Xuân L không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính và về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX tuyên bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy:*

[1] Theo hồ sơ địa chính Nghị định 64/CP ngày 27 tháng 9 năm 1993 của Chính phủ ban hành bản quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình,

cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp (*được Sở địa chính tỉnh Quảng Nam phê duyệt ngày 31/8/1999*) thì đất ông Trịnh Xuân L đề nghị cấp GCNQSD đất thuộc thửa đất số 54, tờ bản đồ số 04 và thửa đất số 1, tờ bản đồ số 04 là do UBND xã B quản lý.

Theo hồ sơ đo đạc dữ liệu Vùng Đông tại xã B, huyện T (*được Sở TN&MT tỉnh Quảng Nam phê duyệt ngày 28/6/2017*) và theo sổ mục kê đất đai (*tại Quyển số 02*) của xã B, huyện T lập năm 2017 (*được Sở TN&MT tỉnh Quảng Nam phê duyệt ngày 28/6/2017*) thì diện tích đất ông Trịnh Xuân L đề nghị cấp GCNQSD đất thuộc thửa đất số 59, tờ bản đồ số 05 là do UBND xã B quản lý.

Theo biên bản họp hội đồng tư vấn xét cấp đất của UBND xã B ngày 10 tháng 6 năm 2020 thì thửa đất số 140, tờ bản đồ số 05, diện tích 6276,7m<sup>2</sup> mà hộ ông Trịnh Xuân L đề nghị cấp GCNQSD có nguồn gốc của UBND xã và tất cả cây dương liễu trên đất trên đất là do TN và nhân dân thôn P trồng; gia đình ông Trịnh Xuân L chỉ trồng xen keo lá tràm vào dương liễu từ năm 2017 đến nay; phù hợp với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 27/10/2021 (*thể hiện trên đất có rừng dương liễu tái sinh lần thứ hai trở lên, số lượng cây trên diện tích 6.276,7m<sup>2</sup> là 12.553 bụi cây và 142 cây keo*).

Quá trình tố tụng, ông Trịnh Xuân L cung cấp giấy sang nhượng đất đề ngày 24/12/1999, giữa bên chuyển nhượng là ông Lê Huy T2, bà Nguyễn Thị Th với bên nhận chuyển nhượng là ông Trịnh Xuân L. Tuy nhiên, giấy sang nhượng đề ngày 24/12/1999 là sau ngày 15/10/1993 và không được UBND xã B xác nhận; Bà Th và ông T2 cũng không kê khai, đăng ký và không có giấy tờ về quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên.

Vì vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai 2013 và Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP (*được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 16, khoản 17 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP*); hộ ông Trịnh Xuân L không đủ điều kiện để được cấp GCNQSD thửa đất số 140, tờ bản đồ số 05, diện tích 6276,7m<sup>2</sup> mà hộ ông Trịnh Xuân L đề nghị.

[2] Như đã nhận định trên [1]; ông L không có giấy tờ về quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 140, tờ bản đồ số 05, diện tích 6276,7m<sup>2</sup> và tại các Biên bản làm việc ngày 08/9/2020, các nhân chứng (*đã xác nhận tại Đơn xin xác nhận nguồn gốc đất vào ngày 01/7/2019 do ông L xuất trình*) không thừa nhận việc xác nhận việc ông L khai hoang diện tích đất 6.276,7m<sup>2</sup> vào năm 1995 và có lời khai mâu thuẫn trong quá trình tố tụng; ông Nguyễn Hồng K khai mua cây của ông L là cây dương liễu và cây keo lá tràm nhưng tại giấy cam kết ngày 24/8/2020, ông K cam kết chỉ mua cây dương liễu là không thống nhất nên các lời khai của các nhân chứng do ông L cung cấp không có cơ sở tin cậy, không thể xem là chứng cứ để xem xét. Bên cạnh đó, tại lời khai của ông Tăng Thượng Đ2 và ông Nguyễn Tấn L3- là những

người cao tuổi cư trú tại thôn P, xã B khai về diện tích đất mà ông Trịnh Xuân L đề nghị cấp GCNQSD (*thửa đất số 140, tờ bản đồ số 05, diện tích 6276,7m<sup>2</sup>*) là đất trước đây TN thôn P trồng cây dương liễu, sau này ông L đến dặm thêm cây keo lá tràm vào. Đồng thời, như đã nhận định trên; hội đồng tư vấn xét cấp đất của UBND xã B ngày 10 tháng 6 năm 2020, xác định gia đình ông Trịnh Xuân L chỉ trồng xen keo lá tràm vào dương liễu từ năm 2017 đến nay. Vì vậy, không có căn cứ xác định gia đình ông Trịnh Xuân L sử dụng đất ổn định và sử dụng đất trước ngày 01/7/2014 theo quy định tại Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP và Điều 101 Luật đất đai năm 2013 để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông L theo yêu cầu khởi kiện.

[3] Từ các phân tích ở phần [1] và [2]; Công văn số 36/UBND-ĐC ngày 06/7/2020 của Ủy ban nhân dân xã B, Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 03/11/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B và Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 20/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T giải quyết khiếu nại của ông Trịnh Xuân L là đúng quy định của pháp luật nên ông Trịnh Xuân L khởi kiện yêu cầu hủy Công văn số 36/UBND-ĐC ngày 06/7/2020, Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 03/11/2020, Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 20/01/2021 và yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân xã B, Ủy ban nhân dân huyện T lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 140, tờ bản đồ số 05, diện tích 6.276,7m<sup>2</sup> (loại đất rừng sản xuất) là không có cơ sở và HĐXX cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Trịnh Xuân L.

[4] *Về án phí*: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trịnh Xuân L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính. Bác kháng cáo của ông Trịnh Xuân L và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Xử:

Căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; Điều 18 và Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

Bác đơn khởi kiện của ông Trịnh Xuân L; về các yêu cầu:

- Hủy Công văn số 36/UBND-ĐC ngày 06/7/2020 của Ủy ban nhân dân xã B về việc trả lời các nội dung liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trịnh Xuân L;

- Hủy Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 03/11/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B về việc giải quyết khiếu nại của ông Trịnh Xuân L, trú tại thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam;

- Hủy Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 20/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban

nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Trịnh Xuân L, thường trú tại thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam (lần hai);

- Buộc Ủy ban nhân dân xã B, Ủy ban nhân dân huyện T thực hiện hành vi hành chính lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 140, tờ bản đồ số 05, diện tích 6.276,7m<sup>2</sup>; địa chỉ thửa đất: Thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trịnh Xuân L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu số 0191 ngày 12/7/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam (*Do ông Đoàn Văn M nộp*).

Quyết định còn lại của bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng, về án phí sơ thẩm tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND Tối cao;
- VKSND CC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Dương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)\**

**Lê Phước Thanh**